TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2018/ DS-ST
Ngày 22/10/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Văn Chung.
2. Bà Nguyễn Thị Cương.

- Thư ký phiên tòa: Hoàng Thị Kim Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà*:* Ông Dương Đức Thắng, kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2018/TLST-DS, ngày 04 tháng 7 năm 2018. Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1960 (có mặt).
Địa chỉ: Thôn C H, xã Đ K, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Chị Trần Thị Â, sinh năm 1962 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Đ T, xã Đ K, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn C H, xã Đ K, huyện T Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Trần Thị H trình bầy:

Chị và chị Â là hàng xóm với nhau, vào ngày 25/3/2013 chị Â có vay của chị H số tiền 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng), khi vay hai bên thỏa thuận lãi xuất 45.000đ/1 ngày, thời hạn trả chỉ thỏa thuận miệng ở ngoài là 1 năm trả, sau

khi vay được tiền chị Â thường xuyên đi làm ăn không có mặt tại địa phương lên tiền lãi chị Â không trả cho chị một đồng nào cả, khoảng 2 năm nay gần đây chị Â mới về địa phương, khi thấy chị Â về chị H đã nhiều lần đến đòi tiền nhưng chị Â khất lần không trả. Nay chị H khởi kiện yêu cầu chị Ân trả chị số tiền gốc đã vay là 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng), tiền lãi chị H không yêu cầu trả lãi nữa. việc vay tiền chỉ cho chị Â vay, chồng chị Â đã chết, các con không biết việc vay tiền nên không liên quan.

* Tại bản khai của anh Nguyễn Văn T trình bầy: Anh là chồng của chị Trần Thị H, việc chị H trình bầy cho chị Â vay tiền là đúng. Nay chị Â không trả nên anh cũng nhất trí yêu cầu chị Â trả vợ chồng anh số tiền còn nợ 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng), về tiền lãi anh không yêu cầu.

* Tại biên bản ghi lời khai của chị Trần Thị Â trình bầy: Chị Â với chị H là quan hệ cùng xã có quen biết nhau, do có quen biết nhau nên trước đây chị Â có nhiều lần vay tiền của chị H nhưng chỉ vay số tiền ít vài triệu đến một hai chục triệu nhưng chưa bao giờ chị vay số tiền của chị H là 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng), những lần vay tiền đều có viết giấy tờ, và đã trả hết nợ rồi. Đến nay không còn nợ khoản tiền nào của chị H nữa. Nay chị H kiện đòi chị số tiền là 45.000.000đ chị không đồng ý vì chị không được vay, chị đã được Tòa án cho xem kiểm tra giấy vay tiền do chị H cung cấp, chị Â cho rằng đó không phải chữ viết và chữ ký của chị, nhưng chị không nộp tiền tạm ứng chi phí giám định. Mà đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Do chị thường xuyên đi làm ăn không có nhà nên xin vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và phiên tòa xét xử.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, người liên quan đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các điều 205; 208; 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ ***Về đường lối giải quyết:*** Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H buộc chị Trần Thị Â phải trả cho chị H, anh T số tiền gốc 45.000.000.000 đồng; Tiền lãi chị H anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Yêu cầu của chị H được chấp nhận nên chị H không phải chịu tiền án phí.

- Chị Â phải chịu 5% số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà.

Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H khởi kiện chị Â về tranh chấp hợp đồng vay tài sản bà Â có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay ở thôn C H, xã Đ K huyện Y T, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là chị Â, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh T có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt chị Â, anh T

Về áp dụng pháp luật: Sự kiện pháp lý xảy ra vào năm 2013 đến nay đang được thực hiện nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Do có quen biết nên vào ngày 25/3/2013 chị H có cho chị Ân vay số tiền 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng), khi vay hai bên thỏa thuận miệng thời hạn trả một năm trả, lãi xuất 45.000đ/1 ngày, khi vay chị Â có nói thế chấp 1 xe máy YAMAHA BKS 98N3-9879 nhưng thực tế chị Ân không giao xe cho chị H. Đến hạn chị Â không trả tiền cho chị H, chị H đã đòi nhiều lần nhưng chị Â khất lần không trả. Nay chị H khởi kiện đòi chị Â số tiền là 45.000.000đ (Bốn mươi năm triệu đồng) chị Â cho rằng không vay tiền nên không trả. Tòa án yêu cùa các bên cung cấp chứng cứ. chị H cung cấp giấy vay tiền đề ngày 25/3/2013 có chữ ký của người vay tiền là Trần Thị Â, phía chị Â không cung cấp được bất cứ chứng cứ tài liệu nào về việc đã thanh toán trả chị H số tiền trên. và không thừa nhận chứ ký đó là của mình. Tòa án đã làm thủ tục yêu cầu đi giám định chữ kỹ nhưng chị Â không chấp hành, không nộp tiền tạm ứng chi phí giám định và cũng không đưa ra được bất cứ chứng cứ nào chứng minh đó không phải chữ ký của chị, hoặc đã thanh tóan trả tiền chị H. Do đó chị Â phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, khoản 4, điều

91, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật tố tụng dân sự cần buộc chị Â có trách nhiệm trả chị H, anh Tsố tiền đã vay là 45.000.000đ Do chị cá nhân chị Â vay tiền, chồng chị Â đã chết, các con chị Â không được vay mượn nên không phải chịu trách nhiệm trả nợ cùng.

- Về lãi xuất: Tại phiên tòa chị H, anh T không yêu cầu tính lãi nên HDXX không đề cập xem xét.

Về lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án: chị Â phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đối với việc trong giấy vay tiền có ghi chị Â thế chấp chiếc xe máy YAMAHA BKS 98N3-9879 tại phiên tòa chị H thừa nhận ghi trong giấy là thế chấp xe nhưng thực tế chị Â không giao xe cho chị H nay chị Â, chị H, anh T không có ý kiến về việc giải quyết xe máy trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp về chiêc xe mô tô trên sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Do yêu cầu của chị H, anh T được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí hoàn trả chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.600.000 đồng

Chị Â phải chịu 2.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật: Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4, điều 91; Điều 207; Điểm b, khoản 2, điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 229; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về nội dung: Xử buộc chị Trần Thị Â có trách nhiệm trả cho chị Trần Thị H, anh Nguyễn Văn T số tiền vay nợ 45.000.000đ (Bốn mươi năm triệu đồng).

3. Về lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về tiền án phí

- Về tiền án phí: Chị Trần Thị Â phải chịu 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí án phí đã nộp 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng) tại biên lai số: 0004271, ngày 14-7-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt.

Bản án đã được thông qua tại phòng nghị án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- THA huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Vân Anh